

太陽眼鏡符合性聲明試驗報告型式分類表

申請者： 台灣亞利森有限公司

申請日期： 2017.9.19

聯絡人：

電話：

傳真：

一、 形式分類

(一) 品牌： VIVANT

(二) 一般濾鏡 偏光濾鏡

(三) 主要形式

1. 型號 (代號)： VT FLEUR2 C3 (17-09-BAG-011)

2. 金屬鏡框 非金屬鏡框

3. 濾鏡顏色： 灰色銀鍍膜

4. 濾鏡分類： 0 1 2 3 4

5. 光學等級： 1 2

6. 適合 不適合駕駛及道路使用

7. 參考點 32.0±0.2 mm (成人用太陽眼鏡)
 27.0±0.2 mm (兒童用太陽眼鏡)

(四) 分類型式：							
編號	型號(代號)	鏡框材質， 請打✓		濾鏡 顏色	濾鏡 分類	光學 等級	若為送 檢之樣 品型號 ，請打✓
		金屬	非金 屬				
1	VT MOIS SLVSLMO	✓		深灰水銀	2	2	
2	VT DOR BLK BLU	✓		藍色水銀	2	2	
3	VT DOR BLK PUR	✓		紫色水銀	2	2	
4	VT DOR GRY SLV	✓		銀色水銀	3	2	
5	VT DOR GRY BLU	✓		藍色水銀	3	2	
6	VT DOR BRN	✓		紫色水銀	3	2	
7	VT LECI BLK	✓		銀色水銀	3	2	
8	VT LECI SLVB	✓		灰色藍鍍膜	3	1	✓
9	VT LECI SLVS	✓		銀色水銀	3	2	
10	VT LECI GLDG	✓		金色水銀	3	2	
11	VT LECI GLDPN	✓		粉色水銀	3	2	
12	VT LECI WHTP	✓		粉色水銀	3	2	
13	VT VOLLER BLK	✓		藍色水銀	3	2	
14	VT VOLLER SLV	✓		銀色水銀	3	2	
15	VT VOLLER SGLD	✓		橘色水銀	3	2	
16	VT VEND C1SLV		✓	銀色水銀	3	2	
17	VT VEND C1BLU		✓	藍色水銀	3	2	
18	VT VEND C3		✓	藍色水銀	3	2	
19	VT VEND C4		✓	銀色水銀	3	2	
20	VT CORONA C1	✓		灰色	3	2	
21	VT CORONA C4	✓		藍色水銀	3	2	
22	VT CORONA C3	✓		灰色	3	2	
23	VT CORONA C2	✓		深灰	3	2	
24	VT PAPILON C4	✓		灰色水銀	3	2	
25	VT PAPILON C2	✓		咖啡色水銀	3	2	
26	VT CRYSTAL C4		✓	咖啡色水銀	3	2	
27	VT CRYSTAL C1		✓	銀色水銀	3	2	
28	VT CRYSTAL C2		✓	藍色水銀	3	2	
29	VT PASTEL C1	✓		銀色水銀	3	2	
30	VT FLEUR C5	✓		藍色水銀	3	2	
31	VT FLEUR C4	✓		灰色水銀	3	2	
32	VT REINE C3		✓	銀色水銀	3	2	
33	VT REINE C2		✓	藍色水銀	3	2	
34	VT REINE C1		✓	灰色黃鍍膜	3	1	✓
35	VT PRIME C1		✓	深灰色	3	2	
36	VT VOLLER GLD	✓		紫色水銀	3	2	
37	VT VEND C1SMO	✓		灰色	2	1	✓
38	VT MIRAGE C3	✓		銀色水銀	3	2	
39	VT MIRAGE C4	✓		金色水銀	3	2	
40	VT MIRAGE C5	✓		淺灰色	2	2	
41	VT SOIR C3	✓		淺灰藍	2	2	

編號	型號(代號)	鏡框材質， 請打✓		濾鏡 顏色	濾鏡 分類	光學 等級	若為送 檢之樣 品型號 ，請打✓
		金屬	非金 屬				
42	VT PAPILON2 C1	✓		深灰色	3	2	
43	VT PAPILON2 C2	✓		深灰色	3	2	
44	VT PAPILON2 C3	✓		灰藍色	2	2	
45	VT PAPILON2 C4	✓		灰藍色	2	2	
46	VT PAPILON2 C5	✓		淺灰色	2	2	
47	VT PASTEL2 C1	✓		深灰色	3	2	
48	VT PASTEL2 C2	✓		灰藍色	3	2	
49	VT PASTEL2 C3	✓		淺灰色	3	2	
50	VT FLEUR2 C1	✓		深灰色	3	2	
51	VT MIRAGE C1	✓		深灰色	3	1	✓
52	VT AMOUR C1	✓		深灰色	3	2	
53	VT AMOUR C2	✓		灰藍色	2	2	
54	VT AMOUR C3	✓		金色水銀	3	2	
55	VT AMOUR C4	✓		灰藍色水銀	3	2	
56	VT AMOUR C5	✓		淺灰色	2	2	
57	VT RAFFINE C1	✓		深灰色	3	2	
58	VT RAFFINE C2	✓		深灰色	3	2	
59	VT RAFFINE C4	✓		灰藍色	2	2	
60	VT RAFFINE C5	✓		灰藍色	2	2	
61	VT BERITE C1	✓		深灰色	3	2	
62	VT BERITE C4	✓		灰藍色	2	2	
63	VT BERITE C5	✓		灰藍色	2	2	
64	VT LUNE C1	✓		深灰色	3	2	
65	VT LUNE C3	✓		銀色水銀	3	2	
66	VT LUNE C4	✓		金色水銀	3	2	
67	VT DIAMT C1	✓		深灰色	3	2	
68	VT DIAMT C4	✓		金色水銀	3	2	
69	VT DIAMT C5	✓		灰藍色	3	2	
70	VT MOIS2 C1	✓		深灰色	3	2	
71	VT MOIS2 C3	✓		灰藍色	3	2	
72	VT MOIS2 C2	✓		灰藍色	3	2	
73	VT AILE C1	✓		深灰色	3	2	
74	VT AILE C2	✓		深灰色	3	2	
75	VT AILE C5	✓		灰藍色	3	2	
76	VT AILE C4	✓		金色水銀	3	2	
77	VT AILE C3	✓		銀色水銀	3	2	
78	VT SNF #1 C1	✓		深灰色	3	2	
79	VT SNF #1 C1G	✓		綠色	3	2	
80	VT SNF #1 C2B	✓		咖啡色水銀	3	2	
81	VT SNF #1 C2R	✓		粉色	3	2	
82	VT SNF #1 C3S	✓		銀色水銀	3	2	
83	VT SNF #1 C3Y	✓		黃色	3	2	

編號	型號(代號)	鏡框材質， 請打✓		濾鏡 顏色	濾鏡 分類	光學 等級	若為送 檢之樣 品型號 ，請打✓
		金屬	非金 屬				
84	VT PARFAIT C1	✓		深灰	3	2	
85	VT PARFAIT C2	✓		灰藍色	3	2	
86	VT PARFAIT C3	✓		金色水銀	3	2	
87	VT PARFAIT C4	✓		藍色水銀	3	2	
88	VT PARFAIT C5	✓		紅色水銀	3	2	
89	VT SNF#2 C1R	✓		紅色	3	2	
90	VT SNF#2 C1S	✓		深灰	3	2	
91	VT SNF#2 C2GL	✓		金色水銀	3	2	
92	VT SNF#2 C2GR	✓		綠色	3	2	
93	VT SNF#2 C3B	✓		藍色	3	2	
94	VT SNF#2 C3S	✓		灰色銀鍍膜	2	1	✓
95	VT SNF#3 C1 R	✓		紅色	1	1	✓
96	VT SNF#3 C1 S	✓		深灰	3	2	
97	VT SNF#3 C2 B	✓		咖啡色水銀	3	2	
98	VT SNF#3 C2 G	✓		綠色	3	2	
99	VT SNF#3 C3 G	✓		金色水銀	3	2	
100	VT SNF#3 C3 Y	✓		黃色	3	2	
101	VT MOIS LEPBLU	✓		灰色藍鍍膜	3	1	✓